

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21/NQ-HĐND

Hậu Giang, ngày 06 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh (lần 2)

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG
KHÓA X KỲ HỌP THỨ CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Tờ trình số 86/TTr-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang dự thảo Nghị quyết về điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh (lần 2); Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang thống nhất điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh (lần 2), với tổng số vốn 1.656.518 triệu đồng. Cụ thể như sau:

1. Phân bổ chi tiết Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 vốn ngân sách địa phương: 1.595.620 triệu đồng.

2. Phân bổ chi tiết Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 vốn ngân sách địa phương thực hiện Đề án “Phát triển nông nghiệp bền vững, thích

ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030": 5.964 triệu đồng.

3. Bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu vượt tiền sử dụng đất năm 2022: 54.934 triệu đồng.

(Đính kèm phụ lục I, II, III)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Khóa X Kỳ họp thứ Chín thông qua và có hiệu lực từ ngày 06 tháng 7 năm 2022. / *ghe*

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (HN-TP.HCM);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp huyện;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT. *vet*

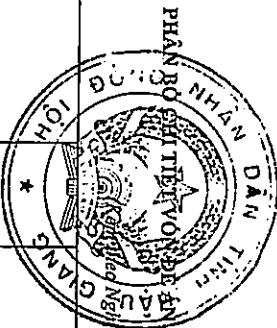
CHỦ TỊCH



Trần Văn Huyền

The seal of the Ministry of Education and Training of Vietnam is circular. It features a central five-pointed star. Around the star, the text "CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM" (Socialist Republic of Vietnam) is written in a circle. Below the star, the text "Độc lập - Tự do - Hạnh phúc" (Independence - Liberty - Happiness) is written. The outermost ring of the seal contains the text "BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO" (Ministry of Education and Training).

STT	Danh mục dự án	Thời gian thực hiện	Số quyết định; nghị định, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Ghi nhận	Tăng	Ghi chú
				Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		CDNS	Tiền sử dụng đất	XSKT		CDNS	Tiền sử dụng đất	XSKT			
	Tổng số			1.742.966	1.742.966	1.595.620	570.916	10.000	1.014.704	1.595.620	570.916	10.000	1.014.704	1.595.620	1.595.620	
A	Nguồn vốn chưa phân bổ tại Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh					1.595.620	570.916	10.000	1.014.704	-				1.595.620		
B	Phân bổ vốn chi tiết:			1.742.966	1.742.966	-	-	-	-	1.595.620	570.916	10.000	1.014.704	-	1.595.620	
*	Vốn đối ứng các dự án NGO					-	-	-	-	10.000			10.000	-	10.000	
**	Vốn bổ trợ cho các dự án			1.742.966	1.742.966	-	-	-	-	1.585.620	570.916	10.000	1.004.704	-	1.585.620	
I	Sở Giao thông vận tải			823.500	823.500	-	-	-	-	823.500	348.796	10.000	464.704	-	823.500	
	Dự án khôi phục môi trường giai đoạn 2021 - 2025			823.500	823.500	-	-	-	-	823.500	348.796	10.000	464.704	-	823.500	
I	Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn I	2023	2026	60/2022/QH.15, 16/6/2022	823.500	823.500				823.500	348.796	10.000	464.704		823.500	Bãi thường, hỗ trợ, tái định cư
II	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh				720.000	720.000	-	-	-	720.000	180.000	-	540.000	-	720.000	
	Dự án khôi phục môi trường giai đoạn 2021 - 2025				720.000	720.000	-	-	-	720.000	180.000	-	540.000	-	720.000	
1	Khu tái định cư Tân Hòa	2023	2026	13/NQ-HĐND, 17/6/2022	200.000	200.000				200.000	60.000		140.000		200.000	
2	Khu tái định cư xã Tân Phú Thạnh giai đoạn 2	2023	2026	12/NQ-HĐND, 17/6/2022	120.000	120.000				120.000			120.000		120.000	
3	Khu tái định cư Mái Dầm	2023	2026	10/NQ-HĐND, 17/6/2022	400.000	400.000				400.000	120.000		280.000		400.000	
III	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh				199.466	199.466	-	-	-	42.120	42.120	-	-	-	42.120	
	Dự án khôi phục môi trường giai đoạn 2021 - 2025				199.466	199.466	-	-	-	42.120	42.120	-	-	-	42.120	
1	Căn cứ hậu phương 2/Bộ CHQS tỉnh Hậu Giang/Quân khu 9	2023	2026		199.466	199.466				42.120	42.120				42.120	

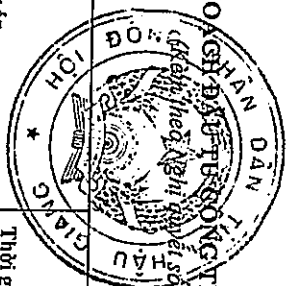


Phụ lục II
"PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG, THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TỈNH HẬU GIANG"
GIẢI ĐOÀN 2021 - 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030"
quyết số 21/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang

ĐƠN VỊ: TRƯỞNG ĐOÀNG															
STT	Danh mục dự án	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư				Kế hoạch trung hạn 5 năm giải đoạn 2021 - 2025			Kế hoạch trung hạn 5 năm giải đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh, bổ sung		Giảm	Tăng	Ghi chú
				Số quyết định, nghị, thông, năm ban hành	TMBĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: XSKT			
	Tổng số				5.964	5.964	296.126	296.126	296.126	290.162	290.162	5.964	5.964		
A	Dự án "Phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030"						296.126	296.126	290.162	290.162	5.964				
B	Phân bổ vốn chi tiết				5.964	5.964	-	-	5.964	5.964	-	5.964	5.964		
	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn				5.964	5.964			5.964	5.964			5.964		
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021 - 2025					5.964	5.964		5.964	5.964			5.964		
1	Xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng phục vụ định hướng vùng sản xuất nông nghiệp tỉnh Hậu Giang	2022	2024	1155/QĐ-UBND, 22/6/2022	5.964	5.964			5.964	5.964			5.964		

Đơn vị: Triệu đồng

Phụ lục III
DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ SONG TRUNG HẠN 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 NGUỒN THU VƯỢT TIỀN SỬ DỰNG ĐẤT NĂM 2022
(Kế hoạch, Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang)



Đơn vị: Triệu đồng

ĐƠN VỊ: TRẦN ĐỒNG											
STT	Danh mục dự án	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư				Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: các nguồn vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Thu vượt tiền sử dụng đất năm 2022
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					
	Tổng số				74.501	53.434	54.934	54.934			
I	Bổ sung vốn điều lệ Quỹ Phát triển đất tỉnh						20.000	20.000			
II	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh				52.834	52.834	34.334	34.334			
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021 - 2025				52.834	52.834	34.334	34.334			
I	Đầu tư giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án Khu đô thị mới đường Hòa Bình, thành phố Vị Thanh	2022	2024	1249/QĐ-UBND, 05/7/2022	13.550	13.550	8.900	8.900			
2	Đầu tư giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án Khu dân cư nông thôn mới Phú Khô, xã Thạnh Hòa, huyện Phụng Hiệp	2022	2024	1248/QĐ-UBND, 05/7/2022	39.284	39.284	25.434	25.434			
III	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp tỉnh				21.667	600	600	600			
	Dự án chuyển tiếp của giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025				21.667	600	600	600			
I	Kế chống sạt lở kênh Xáng Xã No thuộc sông Xã No	2020	2022	577/QĐ-UBND, 08/4/2020, 815/QĐ-UBND, 19/5/2020	21.667	600	600	600			